

SỬ DỤNG GIÁ TRỊ HỢP LÝ TRONG ĐO LƯỜNG CÔNG CỤ TÀI CHÍNH - HÀNG HOÁ PHÁI SINH

TS. Nguyễn Thị Hồng Vân*

Nhằm thúc đẩy sự phát triển của thị trường tài chính, thị trường công cụ tài chính nói chung và thị trường hàng hoá phái sinh nói riêng, việc hoàn thiện khuôn khổ pháp lý kế toán về công cụ tài chính phái sinh đóng vai trò then chốt. Cụ thể, xem xét nội dung đo lường công cụ tài chính - phái sinh hàng hoá theo thông lệ quốc tế là cơ sở cung cấp thông tin minh bạch cho các đối tượng sử dụng thông tin của doanh nghiệp.

• Từ khóa: công cụ tài chính, phái sinh hàng hoá, giá trị hợp lý.

In order to promote the development of the financial market, the financial instrument market in general and the derivative commodity market in particular, the completion of the legal and accounting framework on financial derivatives plays a key role. In particular, consider the content of measuring financial instruments - commodity derivatives according to international practices, which is the basis for providing transparent information for information users of enterprises.

• Keywords: financial instruments, commodity derivatives, fair value.

Ngày nhận bài: 25/3/2022

Ngày gửi phân biên: 26/3/2022

Ngày nhận kết quả phân biên: 26/4/2022

Ngày chấp nhận đăng: 28/4/2022

Giới thiệu

Các nghiệp vụ tài chính phái sinh là sản phẩm tất yếu của sự phát triển ngày càng sâu, rộng và đa dạng của thị trường tài chính. Sự biến động khó lường của giá cả hàng hóa, lãi suất, tỷ giá, giá chứng khoán trên thị trường là những nguyên nhân gây ra rủi ro cho các nhà đầu tư trong các thương vụ mua bán. Để hạn chế thấp nhất những rủi ro thua lỗ có thể xảy ra cũng như tìm kiếm lợi nhuận, các nghiệp vụ liên quan đến công cụ tài chính phái sinh được hình thành. Tuy nhiên, để đưa các loại công cụ tài chính phái sinh vào triển khai thực tiễn và khuyến khích các doanh nghiệp

sử dụng nó hiệu quả là không dễ dàng trong điều kiện nước ta hiện nay. Để thúc đẩy sự phát triển của thị trường tài chính, thị trường phái sinh nói chung và thị trường hàng hoá phái sinh nói riêng, việc hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về công cụ tài chính phái sinh đóng vai trò then chốt, trong đó việc xây dựng các quy định về kế toán công cụ tài chính phái sinh, cụ thể liên quan đến đo lường giá trị các hợp đồng hàng hoá phái sinh theo thông lệ và Chuẩn mực quốc tế đóng vai trò quan trọng, làm căn cứ giúp doanh nghiệp, tổ chức và nhà đầu tư ghi nhận và trình bày báo cáo tài chính một cách nhất quán, có thể so sánh và kiểm chứng được.

1. Thực trạng thị trường hàng hoá phái sinh và quy định kế toán liên quan ở Việt Nam

Theo Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam, số lượng tài khoản giao dịch phái sinh hàng hóa đã tăng khá mạnh trong vài năm trở lại đây, với lượng giao dịch qua hàng hóa phái sinh lên tới 10.000 lot giao dịch bình quân mỗi ngày (31 triệu lot được giao dịch và hơn bảy triệu vị thế mở trong tháng 1-2020). Với 21 mặt hàng thuộc bốn nhóm ngành được cấp phép giao dịch, gồm nông sản, nguyên liệu công nghiệp, năng lượng và kim loại, giao dịch hàng hóa phái sinh được nhiều nhà đầu tư tham gia với sự hồ hởi hơn rất nhiều so với trước đây. Giao dịch hàng hóa phái sinh được đánh giá cao về khả năng giảm thiểu tối đa rủi ro cho cả người mua lẫn người bán.

Trên thị trường hàng hóa, các giao dịch kỳ hạn và tương lai đối với các hàng hóa cơ bản như gạo, cà phê, cao su, thép được các doanh nghiệp sử dụng nhiều trên các Sở giao dịch phái sinh nước

* Học viện Tài chính; email: nguyenhongvan@hvtc.edu.vn

ngoài như COMEX (Sàn giao dịch vàng, cao su, tơ lụa và gia súc) hoặc LME (Sàn giao dịch kim loại London). Mặc dù trong nước đã có 3 sàn giao dịch hàng hóa là Trung tâm giao dịch cà phê Buôn Ma Thuật (đã chấm dứt hoạt động tháng 10/2017), Sở giao dịch hàng hóa Việt Nam (được Bộ Công thương cấp phép từ năm 2010) và Sàn giao dịch hàng hóa Sài Gòn Thương Tín (ra mắt ngày 5/11/2009) để bước đầu triển khai một số sản phẩm phái sinh. Tuy nhiên, đa phần các giao dịch xuất khẩu và nhà đầu tư còn hạn chế, các Sàn giao dịch hàng hóa này hoạt động chưa đạt được như kỳ vọng như khi thành lập. Để hỗ trợ nhà đầu tư và các nhà sản xuất, đề mô hình này được phổ biến hơn thì các quy định pháp lý về kế toán, cụ thể nội dung đo lường/xác định giá trị các công cụ hàng hoá phái sinh cần rõ ràng và chi tiết.

Ở Việt Nam, hệ thống các văn bản pháp lý liên quan trực tiếp đến kế toán CCTCPS hiện hành do Bộ Tài chính ban hành gồm: VAS 01 - Chuẩn mực chung; VAS 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái; VAS 21 - Trình bày báo cáo tài chính (BCTC); VAS 22 - Trình bày bổ sung BCTC của các ngân hàng (NH) và tổ chức tài chính tương tự; TT số 200/2014/TT-BTC, ngày 22/12/2014 quy định Chế độ kế toán DN và TT 53/2016/TT-BTC, ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung cho TT 200; TT 210/2009/TT-BTC, ngày 6/11/2009: Hướng dẫn trình bày BCTC và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Tuy nhiên, Thông tư 210 mới chỉ quy định về trình bày và thuyết minh BCTC về công cụ tài chính mà chưa quy định cụ thể 02 vấn đề quan trọng, đó là ghi nhận và xác định công cụ tài chính theo giá trị hợp lý cho phù hợp với từng loại công cụ tài chính theo IFRS 09 nên việc thực hiện còn hạn chế. Trên thực tế, việc trình bày và thuyết minh BCTC về công cụ tài chính phái sinh tùy theo cách hiểu của từng doanh nghiệp do CMKT chưa có căn cứ để xem xét, đánh giá, đặc biệt là các vấn đề về xác định công cụ tài chính. Về tổng thể, khung pháp lý trực tiếp về chế độ kế toán công cụ phái sinh đối với các DN (phi tài chính) còn thiếu, **giá gốc** vẫn còn tồn tại trong các nguyên tắc kế toán của Việt Nam. Như vậy, tương lai gần để thực hiện kế toán công cụ phái sinh và hoà nhập với quốc tế theo nhóm tác giả, Việt Nam cần xem xét, định hướng đo lường cho kế toán công cụ tài chính - hàng hoá phái sinh.

DN thường gặp khó khăn trong đo lường sau ghi nhận ban đầu. Do yêu cầu tất cả các công cụ

tài chính phái sinh phải được đo lường theo giá trị hợp lý khi lập báo cáo về tài sản hoặc nợ phải trả. Vấn đề vướng mắc tại kế toán giá trị hợp lý cho tất cả các công cụ tài chính. Đối với các tổ chức tín dụng, NH, tổ chức tài chính căn cứ vào quy định hiện hành, thời điểm ghi nhận ban đầu đối với phái sinh tiền tệ (chỉ có tiền tệ) là ngày bắt đầu hiệu lực hợp đồng, thời điểm xóa bỏ ghi nhận là ngày tất toán hợp đồng. Sau đó, đơn vị thường xuyên đánh giá lại, ghi nhận trên sổ kế toán theo giá trị hợp lý, đồng thời kết quả kinh doanh được xác định hợp lý trên BCTC. Việc đo lường chỉ được thực hiện cho nghiệp vụ phái sinh tiền tệ, còn các nghiệp vụ khác lại chưa được quy định cụ thể. Ngoài ra, đối với các DN phi tài chính thì việc đo lường lại càng khó thực hiện khi mà các quy định chưa cụ thể, rõ ràng, thêm vào đó là cơ sở để đánh giá lại không có cơ sở do thiếu chuẩn đo lường về chất và về giá.

2. Đặc điểm và sản phẩm của giao dịch phái sinh hàng hoá

2.1. Hợp đồng hàng hoá tương lai

Hợp đồng hàng hoá tương lai là một thoả thuận ràng buộc mang tính pháp lý giữa một bên cụ thể và các bên khác đại diện bởi sàn giao dịch để xác định mức giá cả hàng hoá theo từng kỳ hạn cụ thể tại một thời điểm trong tương lai và mang đầy đủ các đặc điểm chung của hợp đồng tương lai. Khi tham gia sản phẩm phái sinh này, các bên phải thanh toán cho nhau chênh lệch giữa giá hàng hoá kỳ hạn và giá trị hợp lý của hàng hoá được công bố hàng ngày. Việc thanh toán được thực hiện hàng ngày dưới hình thức bù trừ đa phương thông qua tài khoản ký quỹ của các bên mở tại sàn giao dịch khi có sự chênh lệch giữa hai loại giá nêu trên. Hàng hoá là đối tượng trao đổi của hợp đồng tương lai nhưng thực tế rất ít khi xảy ra việc giao hàng hoá hiện vật (tài sản cơ sở) vì người mua hợp đồng tương lai sẽ tất toán bằng việc bán hợp đồng tương lai đó trước hoặc vào thời điểm đáo hạn hợp đồng. Lợi nhuận thu được từ giao dịch hợp đồng tương lai được dùng để bù đắp rủi ro khi mua, bán hàng hoá hiện vật. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, người mua và người bán có thể chuyển giao tài sản cơ sở cho nhau. Hàng hoá được giao dịch trong hợp đồng tương lai chủ yếu là các loại nhiên liệu (dầu mỏ, khí đốt...) hoặc các sản phẩm nông nghiệp (gạo, cà phê, ca cao...).

Ví dụ về hợp đồng tương lai bán hàng hoá:

Năm N, công ty A ký kết hợp đồng tương lai với công ty B để mua gạo mà công ty B sản xuất với

giá 14.000 đồng/kg vào năm $N+2$. Đến năm $N+2$, mặc dù giá gạo tăng lên 17.000đồng/kg nhưng công ty B vẫn bán cho công ty A với giá 14.000 đồng/kg như hợp đồng đã ký.

2.2. Hợp đồng hàng hoá kỳ hạn

Hợp đồng hàng hoá kỳ hạn là một thoả thuận ràng buộc mang tính pháp lý giữa hai bên để xác định mức giá cả hàng hoá sẽ trao đổi tại một thời điểm cụ thể trong tương lai. Trong sản phẩm phái sinh này, mỗi bên trong hợp đồng sẽ nhận rủi ro về giá cả hàng hoá của bên kia, theo đó người mua đồng ý mua và người bán đồng ý bán một số lượng hàng hoá với một mức giá xác định tại một thời điểm trong tương lai. Tại ngày đáo hạn, các bên có thể thanh toán cho nhau khoản chênh lệch giữa giá cả hàng hoá kỳ hạn ấn định bởi hợp đồng và giá cả hàng hoá trên thị trường tại ngày đáo hạn hoặc bên mua sẽ phải mua số lượng hàng hoá với mức giá ấn định trong hợp đồng.

Tháng 02/N, công ty A ký kết hợp đồng kỳ hạn mua của công ty B 10 tấn mắc ca với giá 100.000.000 triệu/tấn, thời hạn 6 tháng. Đến tháng 08/N, giá mắc ca trên thị trường là 120.000.000 đồng/tấn nhưng công ty B vẫn phải bán cho công ty A với giá 100.000.000 triệu/tấn, công ty A mua 10 tấn như thoả thuận ban đầu.

2.3. Hợp đồng quyền chọn hàng hoá

Hợp đồng quyền chọn hàng hoá là một thoả thuận ràng buộc mang tính pháp lý có thể được giao dịch trên thị trường phi tập trung OTC hoặc giao dịch trên sàn giao dịch với mức giá niêm yết công khai về kỳ hạn, tỷ giá, số lượng hàng hoá giao dịch..., cho phép người mua được quyền mua hoặc bán một số lượng hàng hoá nhất định với một mức giá ấn định tại một thời điểm cụ thể trong tương lai. Trong sản phẩm này, người mua quyền chọn phải trả phí cho người bán quyền chọn, việc thực hiện quyền chọn hoàn toàn phụ thuộc vào người mua, người bán phải thực hiện theo yêu cầu của người mua. Về nguyên tắc, tại thời điểm đáo hạn hợp đồng, nếu có lợi, người mua sẽ thực hiện quyền chọn, nếu bất lợi, người mua sẽ không thực hiện quyền chọn.

Sản phẩm quyền chọn hàng hoá gồm quyền chọn mua và quyền chọn bán. Trường hợp bên mua quyền chọn muốn mua một số lượng hàng hoá với một mức giá không cao hơn một mức cụ thể nào đó trong tương lai, thì quyền chọn được xác định là quyền chọn mua hàng hoá. Trường hợp bên mua

quyền chọn muốn bán một số lượng hàng hoá với một mức giá không thấp hơn một mức cụ thể nào đó trong tương lai, thì quyền chọn được xác định là quyền chọn bán hàng hoá. Hình thức thực hiện quyền chọn tùy theo quy định cụ thể trong từng hợp đồng quyền chọn, theo đó khi thực hiện quyền chọn, bên mua quyền chọn có thể yêu cầu bên bán quyền chọn thanh toán phần chênh lệch giữa giá hàng hoá thực hiện quyền chọn và giá hàng hoá trên thị trường tương ứng với số lượng hàng hoá danh nghĩa quy định bởi hợp đồng hoặc phải chấp nhận mua hoặc bán một số lượng hàng hoá theo mức giá ấn định trong hợp đồng.

Ví dụ về hợp đồng quyền chọn bán hàng hoá:

Quyền chọn bán xi măng có giá thực 60.000đ. Nếu vào ngày đáo hạn, giá xi măng là 65.000đ, thì nếu người mua quyền chọn bán thực hiện quyền sẽ bán với giá 60.000đ/bao, trong khi có thể ra thị trường để bán với giá 65.000đ/bao.

Như vậy, quyền sẽ không được thực hiện và giá trị nhận được bằng 0. Ngược lại, giả sử vào ngày đáo hạn, giá xi măng là 55.000đ. Nếu thực hiện quyền, người mua quyền chọn bán sẽ bán với giá 60.000đ/bao, trong khi nếu bán trên thị trường thì chỉ có thể bán với giá 55.000đ/bao. Như vậy, người có quyền chọn bán sẽ thực hiện quyền và khoản lợi nhận được là 5.000đ/bao.

2.4. Hợp đồng hoán đổi hàng hoá

Hợp đồng hoán đổi hàng hoá là một thoả thuận ràng buộc mang tính pháp lý giữa hai bên để trao đổi giá cả của một loại hàng hoá cụ thể. Các bên tham gia hoán đổi được đảm bảo mức giá hàng hoá. Một bên đồng ý trả một mức hoặc chỉ số giá cố định; Bên kia nhận mức hoặc chỉ số giá cố định và trả mức hoặc chỉ số giá thả nổi căn cứ vào sự biến động bình quân tháng, quý, năm của cùng một chỉ số giá hàng hoá. Các bên có thể không trực tiếp giao dịch mua, bán hàng hoá với nhau mà giao dịch mua, bán hàng hoá với một bên khác. Thông thường, các bên chỉ thanh toán cho nhau phần chênh lệch thuần giữa mức giá cố định và giá thả nổi tại thời điểm trước ngày kết thúc hợp đồng. Tuy nhiên, trong hợp đồng hoán đổi hàng hoá, các bên vẫn có thể chuyển hàng hoá vật chất (tài sản cơ sở) cho nhau.

Ví dụ về hợp đồng hoán đổi hàng hoá:

Công ty xăng dầu Petrolimex mua 1500 tấn xăng cho 3 tháng từ tháng 4 đến tháng 7, mức giá mua 850USD/tấn. Petrolimex tham gia hợp đồng

hoán đổi kỳ hạn 6 tháng, trả theo giá chênh lệch giữa 850USD và giá dầu. Petrolimex vẫn được mua dầu với giá thị trường, đến hạn, nếu giá thị trường cao hơn 850 USD, Petrolimex sẽ nhận được phần chênh lệch và ngược lại.

3. Giá trị hợp lý sử dụng trong đo lường công cụ tài chính - hàng hoá phái sinh

Do công cụ tài chính phái sinh nói chung và phái sinh hàng hoá nói riêng là một trong những công cụ điển hình có đặc tính phản ứng nhanh với những thay đổi của thị trường như giá cả... nên công cụ tài chính phái sinh được Ủy ban Chuẩn mực kế toán quốc tế yêu cầu phải ghi nhận theo giá trị hợp lý để kịp thời phản ánh những biến động của các loại tài sản cơ sở. Ngoài ra, để phản ánh giá trị hiện tại của các khoản thanh toán trong tương lai, việc xác định giá trị của một số công cụ tài chính phái sinh cần áp dụng phương pháp chiết khấu dòng tiền.

3.1. Phương pháp xác định giá trị hợp lý hợp đồng tương lai

Giá trị hợp lý hợp đồng tương lai được xác định căn cứ vào giá niêm yết trên sàn giao dịch.

3.2. Phương pháp xác định giá trị hợp lý hợp đồng kỳ hạn

+ Tại thời điểm khởi đầu hợp đồng, giá trị hợp lý của hợp đồng kỳ hạn bằng không (= 0). Tại thời điểm báo cáo, giá trị hợp lý hợp đồng kỳ hạn là giá trị hiện tại của khoản phải thu hoặc phải trả ước tính tại thời điểm đáo hạn hợp đồng.

+ Việc xác định giá trị hiện tại của khoản phải thu hoặc phải trả ước tính tại thời điểm đáo hạn hợp đồng được thực hiện bằng cách quy đổi giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai về giá trị hiện tại theo lãi suất thực tế của từng kỳ hạn.

+ Căn cứ để xác định giá trị hợp lý hợp đồng kỳ hạn được thực hiện như sau:

Đối với hợp đồng hàng hoá kỳ hạn, căn cứ để xác định giá trị hợp lý là chênh lệch giữa giá kỳ hạn của hàng hoá tại thời điểm báo cáo và giá của hàng hoá giao kỳ hạn đã ký kết trong hợp đồng.

Ví dụ: Ngày 1/10/N, doanh nghiệp ký hợp đồng kỳ hạn mua 1.000 thùng dầu tại thời điểm 1/4/N+1 với giá 80USD/thùng. Ngày 31/12/N, giá dầu giao kỳ hạn tại 1/4/N+1 trên thị trường là 90USD/thùng, tỷ giá thực tế tại thời điểm 31/12/N là 23.000VND = 1USD; Lãi suất thực tế 7%/năm.

- Giá trị danh nghĩa của khoản phải thu từ hợp đồng kỳ hạn tại ngày 31/12/N là: $(90-80) \times 1.000$ thùng = 10.000USD.

- Quy đổi giá trị danh nghĩa số tiền ngoại tệ phải thu sang Việt Nam Đồng theo tỷ giá thực tế là: $10.000 \times 23.000 = 230$ triệu đồng.

- Giá trị hợp lý hợp đồng kỳ hạn được xác định là giá trị hiện tại của số tiền phải thu tại ngày 1/4/N+1 là: $230 \text{ triệu} / (1+0,07) = 214,953$ triệu đồng.

3.3. Phương pháp xác định giá trị hợp lý hợp đồng quyền chọn

Trường hợp hợp đồng quyền chọn được giao dịch trên sàn giao dịch, giá trị hợp lý của hợp đồng quyền chọn là giá niêm yết bởi sàn giao dịch.

Trường hợp hợp đồng quyền chọn không được giao dịch trên sàn giao dịch, việc xác định giá trị hợp lý của quyền chọn được thực hiện như sau:

Tại thời điểm khởi đầu hợp đồng, giá trị hợp lý của quyền chọn được xác định là phí quyền chọn bên mua đã trả cho bên bán.

Tại thời điểm báo cáo, doanh nghiệp được sử dụng các mô hình sau để xác định giá trị hợp lý của quyền chọn:

- Mô hình Black & Scholes; Mô hình nhị thức;
- Các mô hình khác phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp.

Xác định giá trị hợp lý của quyền chọn theo các trạng thái của hợp đồng quyền chọn tại thời điểm báo cáo.

Các trạng thái của hợp đồng quyền chọn tại thời điểm báo cáo:

Tại thời điểm báo cáo, hợp đồng quyền chọn có thể ở 1 trong 3 trạng thái sau:

- Trạng thái được giá quyền chọn: Là trạng thái mà người mua quyền chọn sẽ thực hiện quyền chọn nếu các điều kiện tại thời điểm báo cáo được giả định sẽ xảy ra tại thời điểm đáo hạn hợp đồng.

- Trạng thái hoà vốn quyền chọn: Là trạng thái mà người mua quyền chọn có thể thực hiện hoặc không thực hiện quyền chọn nếu các điều kiện tại thời điểm báo cáo được giả định sẽ xảy ra tại thời điểm đáo hạn hợp đồng (do giá trị thị trường của tài sản cơ sở đúng bằng giá trị tài sản cơ sở khi thực hiện quyền chọn).

- Trạng thái mất giá quyền chọn: Là trạng thái mà người mua quyền chọn không thực hiện quyền

chọn nếu các điều kiện tại thời điểm báo cáo được giả định sẽ xảy ra tại thời điểm đáo hạn hợp đồng.

Giá trị hợp lý của quyền chọn bán:

- Trạng thái được giá quyền chọn xảy ra khi giá trị thị trường của tài sản cơ sở tại thời điểm báo cáo thấp hơn giá thực hiện quyền chọn, giá trị hợp lý của quyền chọn bán được xác định bằng giá trị nội tại của hợp đồng quyền chọn cộng với (+) giá trị thời gian của hợp đồng quyền chọn;

- Trạng thái hoà vốn quyền chọn xảy ra khi giá trị thị trường của tài sản cơ sở đúng bằng giá thực hiện quyền chọn tại thời điểm báo cáo, trạng thái mất giá quyền chọn xảy ra khi giá trị thị trường của tài sản cơ sở cao hơn giá thực hiện quyền chọn tại thời điểm báo cáo. Trong cả hai trạng thái này, giá trị nội tại của hợp đồng quyền chọn bằng không (=0), giá trị hợp lý của quyền chọn được xác định bằng giá trị thời gian của hợp đồng quyền chọn.

Giá trị hợp lý của quyền chọn mua:

- Trạng thái được giá quyền chọn xảy ra khi giá trị thị trường của tài sản cơ sở tại thời điểm báo cáo cao hơn giá thực hiện quyền chọn, giá trị hợp lý của quyền chọn mua được xác định bằng giá trị nội tại của hợp đồng quyền chọn cộng với (+) giá trị thời gian của hợp đồng quyền chọn;

- Trạng thái hoà vốn quyền chọn xảy ra khi giá trị thị trường của tài sản cơ sở đúng bằng giá thực hiện quyền chọn tại thời điểm báo cáo, trạng thái mất giá quyền chọn xảy ra khi giá trị thị trường của tài sản cơ sở thấp hơn giá thực hiện quyền chọn tại thời điểm báo cáo. Trong cả hai trạng thái này, giá trị nội tại của hợp đồng quyền chọn bằng không (=0), giá trị hợp lý của quyền chọn được xác định bằng giá trị thời gian của hợp đồng quyền chọn.

3.4. Phương pháp xác định giá trị hợp lý hợp đồng hoán đổi

Đối với hợp đồng hoán đổi hàng hoá, giá trị hợp lý là giá trị hiện tại của dòng tiền thuần trong tương lai phát sinh từ hợp đồng hoán đổi (là khoản chênh lệch giữa số tiền phải thu và số tiền phải trả lũy kế ước tính kể từ thời điểm báo cáo đến thời điểm đáo hạn hợp đồng).

Việc xác định giá trị hiện tại của dòng tiền thuần trong tương lai phát sinh từ hợp đồng hoán đổi hàng hoá được thực hiện bằng cách quy đổi giá trị danh nghĩa của khoản chênh lệch giữa số tiền phải thu và số tiền phải trả lũy kế ước tính kể từ thời điểm báo cáo đến thời điểm đáo hạn hợp đồng về giá trị hiện tại theo lãi suất thực tế của kỳ hạn

thanh toán trong hợp đồng.

Đối với Hợp đồng hoán đổi hàng hoá, căn cứ để xác định giá trị hợp lý là chênh lệch giữa trị giá hàng hoá phải trả và trị giá hàng hoá phải thu theo hợp đồng hoán đổi.

Kết luận

Theo thông lệ và Chuẩn mực kế toán quốc tế, tất cả các loại công cụ tài chính phái sinh nói chung và công cụ hàng hoá phái sinh nói riêng đều được ghi nhận và đo lường theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên hiện nay Việt Nam mới ban hành được 26 chuẩn mực kế toán, còn thiếu một số chuẩn mực kế toán tương ứng so với các IAS và IFRS đặc biệt là các chuẩn mực kế toán liên quan đến giá trị hợp lý. Việc thiếu các chuẩn mực này dẫn đến tình trạng một số giao dịch hoặc nghiệp vụ kinh tế liên quan đến giá trị hợp lý, công cụ tài chính, vấn đề tổn thất tài sản,... mặc dù đã phát sinh trong thực tế nhưng chưa có chuẩn mực kế toán Việt Nam hướng dẫn nên cách hiểu về bản chất giao dịch và hạch toán kế toán ở các doanh nghiệp chưa có sự thống nhất mà có sự khác nhau. Vì vậy, Bộ Tài chính cần sớm nghiên cứu và ban hành các chuẩn mực kế toán liên quan đến giá trị hợp lý và công cụ tài chính như chuẩn mực về trình bày công cụ tài chính (IAS 32), chuẩn mực về ghi nhận và đo lường công cụ tài chính (IAS 39), chuẩn mực về tổn thất tài sản (IAS 36), chuẩn mực về đo lường giá trị hợp lý (IFRS 13), chuẩn mực về thuyết minh công cụ tài chính (IFRS 7) và chuẩn mực về công cụ tài chính (IFRS 9).

Tài liệu tham khảo:

Mai Ngọc Anh, Lưu Đức Tuyên, Nguyễn Vũ Việt, *Một số chuyên đề về lý thuyết kế toán* (2014), Nhà xuất bản Tài chính.

<https://saigonfutures.com/phai-sinh-hang-hoa-va-nhung-dieu-can-biet/>

Trịnh Đức Vinh (2018), *Cơ sở khoa học và thực tiễn xây dựng chế độ kế toán công cụ tài chính phái sinh*. Đề tài cấp Bộ năm 2018

Mai Ngọc Anh, Lưu Đức Tuyên (2017), *Nghiên cứu áp dụng giá trị hợp lý trong hệ thống kế toán ở Việt nam*. Đề tài cấp Bộ năm 2017

Antonio Parbonetti Springer (2014) *Fair value accounting: information or confusion for financial markets?* <https://link.springer.com/article/10.1007/s11142-014-9306-7>

Christian Laux a,*, Christian Leuz b (2009) *The crisis of fair-value accounting: Making sense of the recent debate* <http://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S0361368209000439>

IASB, *Chuẩn mực kế toán quốc tế (IAS) số 02, 16, 38, 40, IFRS 9...*

Noriaki Okamoto (2014), *Fair value accounting from a distributed cognition perspective* <http://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S0155998214000283>